

-기는커녕

đừng nói đến; chẳng những không ... mà ngay cả

Phủ nhận điều lớn hơn rồi phủ nhận luôn cả điều nhỏ hơn. Về thứ hai cũng phải không đạt được — sự phủ nhận kép đó chính là toàn bộ cấu trúc.

■ Cách kết hợp

Trường hợp	Dạng	Ví dụ
Động từ	-기는커녕	쉬다 → 쉬기는커녕
Danh từ, phụ âm	은커녕	밥은커녕
Danh từ, nguyên âm	는커녕	커피는커녕
Về thứ hai	도 + phủ định	물도 못 마셨어요
Mục thứ hai	nhỏ hơn mục thứ nhất	쉬기 → 밥 → 물
Chính tả	커녕, viết liền	không bao giờ 는 커녕

■ Khi nào dùng

Gắn -기는커녕 vào gốc động từ, hoặc 은/는커녕 vào danh từ: 밥은 커녕, 돈은커녕. Nó được viết liền thành một từ — 커녕 không bao giờ đứng riêng.

Cấu trúc cố định: mục thứ nhất là điều lớn hơn, mục thứ hai là điều nhỏ hơn, và cả hai đều không thành. 쉬기는커녕 밥도 못 먹었어요 — đừng nói đến nghỉ ngơi, ngay cả ăn tôi cũng không ăn được.

Vì vậy, về thứ hai hầu như luôn chứa 도 và một từ phủ định. Nếu điều thứ hai đã xảy ra thì cấu trúc này sụp đổ.

Giọng điệu là than phiền hoặc đỉnh chính, và nó thường đáp lại một giả định mà ai đó vừa đưa ra.

■ Ví dụ trong câu

- 1

쉬기는커녕 밥도 못 먹었어요.
Đừng nói đến nghỉ ngơi — ngay cả ăn tôi cũng không ăn được.
- 2

칭찬은커녕 오히려 혼났어요.
Chẳng những không được khen mà còn bị mắng.
- 3

돈을 벌기는커녕 손해만 봤어요.
Chẳng những không kiếm được tiền mà còn bị lỗ.
- 4

여행은커녕 주말에 나가지도 못했어요.
Du lịch ư? Ngay cả cuối tuần tôi cũng không ra ngoài được.
- 5

직접 만들기는커녕 사 먹을 시간도 없었어요.
Tự nấu thì không thể nào — ngay cả thời gian mua đồ ăn tôi cũng không có.
- 6

도움은커녕 방해만 됐어요.
Chẳng những không giúp được gì mà còn làm vướng thêm.

■ So sánh với

조차

조차 đánh dấu một trường hợp cực đoan duy nhất; -기는커녕 đặt ra hai mức và phủ nhận cả hai. Chúng thường xuất hiện trong cùng một câu.

물조차 못 마셨어요. / 쉬기는커녕 물조차 못 마셨어요.

-지만

-지만 nêu sự đối lập một cách trung tính; -기는커녕 bác bỏ thẳng ý thứ nhất rồi mới đưa ra thực tế.

쉬고 싶었지만 못 쉬었어요. (tôi muốn nghỉ nhưng không nghỉ được) / 쉬기는커녕 밥도 못 먹었어요. (nghỉ ư? ngay cả ăn tôi cũng không ăn được)

-기는 하지만

Một bên nhượng bộ, một bên bác bỏ. -기는 하지만 thừa nhận điều đó; -기는커녕 phủ nhận hoàn toàn.

쉬기는 했지만 짧았어요. (có nghỉ, nhưng ngắn) / 쉬기는커녕 못 먹었어요. (chẳng nghỉ được chút nào)

■ Lưu ý

- X

쉬기는커녕 밥은 먹었어요.
- O

쉬기는커녕 밥도 못 먹었어요.
Cả hai mục đều phải không thành. Nếu mục thứ hai đã xảy ra thì cấu trúc tự mâu thuẫn.
- X

밥은커녕 쉬지도 못했어요.
- O

쉬기는커녕 밥도 못 먹었어요.
Mục thứ nhất là điều lớn hơn, mục thứ hai là điều nhỏ hơn. Đảo ngược chúng thì mức độ tăng tiến trở nên vô lý.
- X

칭찬은 커녕 혼났어요.
- O

칭찬은커녕 혼났어요.
커녕 gắn trực tiếp và viết liền không có dấu cách.